

**TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **693** /VTVcab

Hà Nội, ngày **29** tháng 04 năm 2022

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC hợp nhất quý 1 năm 2022 thay đổi từ 10% trở lên so với BCTC cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam
Mã chứng khoán: CAB
Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2022 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Quý 1/2022	Quý 1/2021	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	498.069.667.411	560.654.103.712	(62.584.436.301)	-11,2%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	225.000	(225.000)	-100,0%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	498.069.667.411	560.653.878.712	(62.584.211.301)	-11,2%
4. Giá vốn hàng bán	377.255.782.304	438.268.532.727	(61.012.750.423)	-13,9%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	120.813.885.107	122.385.345.985	(1.571.460.878)	-1,3%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	893.983.419	736.706.208	157.277.211	21,3%
7. Chi phí tài chính	3.457.275.134	4.617.287.585	(1.160.012.451)	-25,1%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	3.264.041.426	4.526.447.998	(1.262.406.572)	-27,9%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(2.987.977.420)	(4.669.241.944)	1.681.264.524	36,0%

9. Chi phí bán hàng	24.501.275.719	21.636.207.722	2.865.067.997	13,2%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	68.983.932.811	63.521.436.301	5.462.496.510	8,6%
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	21.777.407.442	28.677.878.641	(6.900.471.199)	-24,1%
12. Thu nhập khác	4.768.131	90.614	4.677.517	5162,0%
13. Chi phí khác	717.344	7.141.915	(6.424.571)	-90,0%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	4.050.787	(7.051.301)	11.102.088	157,4%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	21.781.458.229	28.670.827.340	(6.889.369.111)	-24,0%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.895.983.213	6.281.063.154	(1.385.079.941)	-22,1%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	801.259.848	1.077.444.952	(276.185.104)	-25,6%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	16.084.215.168	21.312.319.234	(5.228.104.066)	-24,5%

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2022 giảm 24,5% so với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2021 của VTVcab. Nguyên nhân: Trong quý 1 năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp đã khiến doanh thu của VTVcab trong Quý 1 năm 2022 sụt giảm 11,2% so với Quý 1 năm 2021. Mặc dù, VTVcab đã thực hiện tiết giảm tối đa các khoản chi phí so với Quý 1 năm 2021, cụ thể: giá vốn giảm 13,9%, chi phí tài chính giảm 27,9% (chủ yếu là chi phí lãi vay). Nhưng tổng lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2022 của VTVcab vẫn giảm so với cùng kỳ năm trước. ✓

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓



Hoàng Ngọc Huân